

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Chấn.

Ông Phạm Văn Chử.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988; trú tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1986; trú tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2021, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 4/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 24-9-2012. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh B làm dâu ngay và sống chung tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2021 thì

nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung với nhau và ly thân từ năm 2021 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên hay xảy ra cãi vã. Trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc, hỏi thăm gì nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Xuân B.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Diệu M, sinh ngày 28-01-2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07-10-2019. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh B đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Xuân B không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của chị anh Nguyễn Xuân B được.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 01 năm 2022, cháu Nguyễn Diệu M trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống cùng mẹ và mong Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu.

Tại phiên tòa ngày 17 tháng 6 năm 2022, anh Nguyễn Xuân B vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa xét xử vào ngày 05 tháng 7 năm 2022.

Tại phiên tòa ngày 05 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Xuân B và xin nhận nuôi hai con chung của vợ chồng. Bị đơn anh Nguyễn Xuân B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân B. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Diệu M, sinh ngày 28-01-2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07-10-2019. Về cấp dưỡng

nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị D trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị D có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Xuân B. Bị đơn anh Nguyễn Xuân B có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân B vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Xuân B theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Nguyễn Xuân B có hộ khẩu tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn số 12011/QLXNC-P5 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp thông tin anh Nguyễn Xuân B không có thông tin về việc xuất nhập cảnh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân B.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Nguyễn Xuân B trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 9 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống được thời gian đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống, đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4] Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân B là hợp pháp. Hiện nay chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân B không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực

hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân B đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân B có hai con chung là Nguyễn Diệu M, sinh ngày 28-01-2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07-10-2019. Hội đồng xét xử xét thấy: Hai con chung đang sống cùng chị Nguyễn Thị D, các cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh. Chị D có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung của vợ chồng. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân B không có mặt tại gia đình, không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, tại Bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2022, cháu Nguyễn Diệu M trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ. Do đó để đảm bảo quyền lợi của các con chung, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao hai con chung là Nguyễn Diệu M, sinh ngày 28-01-2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07-10-2019 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Xuân B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị D không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị Nguyễn Thị D trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Diệu M, sinh ngày 28/01/2013 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 07/10/2019 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Xuân B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010554 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân B không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ong Thân Thắng